

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế quản lý, vận hành, cung cấp thông tin
và duy trì hoạt động Cổng thông tin điện tử tỉnh Bến Tre**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Tiếp cận thông tin ngày 06 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 13/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Tiếp cận thông tin;

Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 447/TTr-VPUBND ngày 19 tháng 3 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý, vận hành, cung cấp thông tin và duy trì hoạt động Cổng thông tin điện tử tỉnh Bến Tre.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh và các đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện,

thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 11 tháng 4 năm 2024 và thay thế Quyết định số 03/2019/QĐ-UBND ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế quản lý, vận hành, cung cấp thông tin và duy trì hoạt động Cổng thông tin điện tử tỉnh Bến Tre./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Ngọc Tam

QUY CHẾ

Quản lý, vận hành, cung cấp thông tin và duy trì hoạt động

Cổng thông tin điện tử tỉnh Bến Tre

(Kèm theo Quyết định số 12/2024/QĐ-UBND ngày 01 tháng 4 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về quản lý, vận hành, cung cấp thông tin và duy trì hoạt động Cổng thông tin điện tử tỉnh Bến Tre (gọi tắt là Cổng thông tin điện tử tỉnh), bao gồm: Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh (gọi tắt là Cổng TTĐT của UBND tỉnh) và Cổng/Trang thông tin điện tử các sở, ban, ngành tỉnh; các đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (gọi tắt là Cổng/Trang thành phần) được tích hợp hoặc chưa tích hợp vào hệ thống Cổng thông tin điện tử tỉnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban, ngành tỉnh; các đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện); Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) trên địa bàn tỉnh.

2. Tổ chức, cá nhân tham gia cung cấp và sử dụng thông tin của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng theo quy định pháp luật.

3. Cơ quan, tổ chức khác tự nguyện áp dụng quy chế này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Cổng thông tin điện tử tỉnh là điểm truy cập của cơ quan trên môi trường mạng, liên kết, tích hợp các kênh thông tin, các dịch vụ và các ứng dụng mà qua đó người dùng có thể khai thác, sử dụng và cá nhân hóa việc hiển thị thông tin.

2. Cơ quan chủ quản của Cổng thông tin điện tử tỉnh là các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Bến Tre quy định tại khoản 1 Điều 2 của Quy chế này (sau đây gọi tắt là cơ quan chủ quản).

3. Hệ thống giám sát, đo lường mức độ cung cấp và sử dụng dịch vụ Chính phủ số là hệ thống do Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng để thực hiện đo lường, đánh giá, theo dõi, quản lý việc cung cấp và hiệu quả sử dụng thông tin và dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan nhà nước.

4. Dữ liệu đặc tả là những thông tin mô tả các đặc tính của dữ liệu như nội dung, định dạng, chất lượng, điều kiện và các đặc tính khác nhằm tạo thuận lợi cho quá trình tìm kiếm, truy cập, quản lý và lưu trữ dữ liệu.

Chương II

CUNG CẤP THÔNG TIN CỦA CƠ QUAN

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TRÊN MÔI TRƯỜNG MẠNG

Điều 4. Thông tin cung cấp trên môi trường mạng

1. Cơ quan chủ quản công khai trên môi trường mạng các thông tin cho tổ chức, cá nhân phải bảo đảm cung cấp các thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Chương II Nghị định 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng. Đối với các nội dung Ủy ban nhân dân tỉnh phải cung cấp, theo chức năng, nhiệm vụ được giao, các cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân tỉnh chủ động cung cấp thông tin cho Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh để kịp thời công khai trên Công TTĐT của UBND tỉnh.

2. Thông tin cung cấp trên Cổng thông tin điện tử tỉnh phải tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, báo chí, sở hữu trí tuệ và quản lý thông tin trên Internet và các quy định pháp luật khác có liên quan.

3. Thông tin của cơ quan chủ quản cung cấp trên môi trường mạng phải được cập nhật kịp thời sau khi có sự thay đổi.

4. Nguyên tắc cung cấp, tiếp nhận thông tin

a) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khi cung cấp thông tin, giao tiếp trên Cổng thông tin điện tử tỉnh phải được sự kiểm duyệt của Ban Biên tập.

b) Thông tin gửi đề đăng tải được thực hiện bằng hình thức văn bản hoặc thư điện tử về hộp thư công vụ của Ban Biên tập.

c) Các tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin phải có đầy đủ thông tin về đơn vị, tổ chức, họ tên người gửi, chức danh (nếu có), địa chỉ thư điện tử, số điện thoại hoặc địa chỉ liên lạc.

Điều 5. Cổng thông tin điện tử tỉnh

1. Cổng TTĐT của UBND tỉnh là kênh cung cấp thông tin chính thống, tập trung của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Bến Tre. Các sở, ban, ngành tỉnh; các đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã nếu có Cổng thông tin điện tử, Trang thông tin điện tử thì phải là thành phần của Cổng TTĐT của UBND tỉnh.

2. Cổng TTĐT của UBND tỉnh làm đầu mối kết nối thông tin chỉ đạo điều hành của tỉnh trên môi trường mạng; hướng dẫn nghiệp vụ, tích hợp thông tin với Cổng thành phần.

3. Cổng thông tin điện tử tỉnh kết nối, tích hợp với Cổng thông tin điện tử Chính phủ, Hệ thống giám sát, đo lường mức độ cung cấp và sử dụng dịch vụ Chính phủ số.

4. Tên miền truy cập Cổng thông tin điện tử của cơ quan chủ quản sử dụng tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” và sử dụng công nghệ địa chỉ Internet IPv6, tuân thủ theo quy tắc sau đây:

a) Đối với Ủy ban nhân dân tỉnh, sử dụng tên miền cấp 3 có dạng: bentre.gov.vn.

b) Sở, ban, ngành tỉnh; các đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh sử dụng tên miền cấp 4 có dạng: tencoquan.bentre.gov.vn, trong đó tencoquan là tên viết tắt hoặc tên đầy đủ của cơ quan chuyên môn bằng tiếng Việt không dấu hoặc tiếng Anh.

c) Đối với Ủy ban nhân dân cấp huyện sử dụng tên miền cấp 4 có dạng: tenhuyen.bentre.gov.vn, trong đó tenhuyen là tên đầy đủ của huyện, thành phố thuộc tỉnh, bằng tiếng Việt không dấu.

d) Đối với Ủy ban nhân dân cấp xã sử dụng tên miền cấp 5 có dạng: tenphuongxa.tenhuyen.bentre.gov.vn, trong đó tenphuongxa là tên đầy đủ của xã, phường, thị trấn bằng tiếng Việt không dấu.

5. Cơ quan chủ quản có trách nhiệm phối hợp Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung, thay đổi tên miền truy cập theo quy định tại khoản 4 Điều này.

Điều 6. Các chức năng hỗ trợ cơ bản của Cổng thông tin điện tử tỉnh

1. Cổng thông tin điện tử tỉnh hỗ trợ tìm kiếm, liên kết và lưu trữ thông tin.

a) Chức năng tra cứu, tìm kiếm thông tin cho phép tìm kiếm được đầy đủ và chính xác nội dung thông tin, tin, bài cần tìm hiện có theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.

b) Cung cấp đầy đủ, chính xác các đường liên kết đến Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước khác có liên quan.

c) Cung cấp chức năng in ấn và lưu trữ cho mỗi tin, bài.

2. Cung cấp thông tin bằng tiếng nước ngoài

a) Cổng thông tin điện tử tỉnh phải bảo đảm cung cấp các thông tin bằng tiếng Anh gồm: Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan đó và của từng đơn vị trực thuộc; thông tin liên hệ của cán bộ, công chức có thẩm quyền, bao gồm họ tên, chức vụ, đơn vị công tác, số điện thoại, số fax, địa chỉ thư điện tử chính thức.

b) Khuyến khích Cổng thông tin điện tử tỉnh đăng tải các mục thông tin khác bằng tiếng Anh và các ngôn ngữ khác.

c) Các mục thông tin quy định tại điểm a, điểm b của khoản 2 Điều này phải được cập nhật kịp thời khi có thay đổi.

3. Căn cứ vào điều kiện cụ thể, cơ quan chủ quản triển khai các chức năng cơ bản tại khoản 1, khoản 2 Điều này trên các kênh cung cấp khác.

Điều 7. Tương tác với tổ chức, cá nhân trên môi trường mạng

1. Cơ quan chủ quản ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số để cung

cấp chức năng tương tác với tổ chức, cá nhân trên cổng thông tin điện tử, bao gồm:

- a) Chức năng hỏi đáp và tiếp nhận thông tin phản hồi trực tuyến.
- b) Hỗ trợ tính năng mạng xã hội.
- c) Cho phép tham gia trong hoạt động xây dựng pháp luật, thực thi chính sách, pháp luật của cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật.
- d) Cho phép đánh giá hoạt động cung cấp thông tin của cơ quan chủ quản trên môi trường mạng, bao gồm đánh giá về giao diện, nội dung, chất lượng, sự hỗ trợ của cơ quan chủ quản.
- đ) Công khai toàn bộ các thông tin tương tác với tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

2. Căn cứ vào điều kiện cụ thể cơ quan chủ quản có thể triển khai chức năng tương tác với tổ chức, cá nhân tại khoản 1 Điều này qua các kênh cung cấp thông tin khác trên môi trường mạng.

Điều 8. Kết nối, chia sẻ thông tin của cơ quan chủ quản trên môi trường mạng

1. Trường hợp cơ quan chủ quản triển khai nhiều kênh cung cấp thông tin trên môi trường mạng, các kênh này phải được kết nối, tích hợp để bảo đảm cung cấp thông tin đồng bộ với thông tin trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan chủ quản.

2. Các thông tin trên Cổng thông tin điện tử tỉnh được lưu trữ dưới dạng máy có thể đọc được và chia sẻ dưới dạng dịch vụ web, giao diện lập trình ứng dụng hoặc các hình thức phổ biến khác để bảo đảm khả năng sẵn sàng kết nối, chia sẻ thông tin giữa các hệ thống thông tin của cơ quan chủ quản.

3. Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu trên Cổng thông tin điện tử tỉnh thực hiện theo quy định tại Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan chủ quản.

Điều 9. Quảng cáo trên Cổng thông tin điện tử tỉnh

1. Quảng cáo trên Cổng thông tin điện tử tỉnh được thực hiện theo quy định của Luật Quảng cáo và các quy định có liên quan.

2. Nội dung quảng cáo phải được chọn lọc nhằm giới thiệu, quảng bá doanh nghiệp, sản phẩm nổi bật, tiềm năng kinh tế, chính sách thu hút, kêu gọi đầu tư, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

3. Định mức thu, chi từ dịch vụ quảng cáo phải được cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt.

Chương III BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP THÔNG TIN TRÊN MÔI TRƯỜNG MẠNG

Mục 1

BẢO ĐẢM NHÂN LỰC

Điều 10. Nhân lực biên tập Cổng thông tin điện tử tỉnh

Cơ quan chủ quản có trách nhiệm phân công, bố trí đủ nhân lực biên tập Cổng/Trang thông tin điện tử để tiếp nhận, xử lý, biên tập, cập nhật thông tin, bảo đảm hoạt động của Cổng/Trang thông tin điện tử theo quy định của pháp luật.

1. Quyết định thành phần Ban Biên tập:

a) Ban Biên tập Cổng TTĐT của UBND tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập, là bộ phận giúp việc cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc tiếp nhận, xử lý, biên tập, cập nhật thông tin để bảo đảm hoạt động của Cổng TTĐT của UBND tỉnh. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh là cơ quan Thường trực của Ban Biên tập Cổng TTĐT của UBND tỉnh.

b) Ban Biên tập Cổng/Trang thông tin điện tử các sở, ban, ngành tỉnh; các đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh do Thủ trưởng đơn vị quyết định thành lập, là bộ phận giúp việc cho Thủ trưởng của đơn vị trong việc tiếp nhận, xử lý, biên tập, cập nhật thông tin để bảo đảm hoạt động của Cổng/Trang thông tin điện tử của đơn vị.

c) Ban Biên tập Cổng/Trang thông tin điện tử Ủy ban nhân dân cấp huyện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập, là bộ phận giúp việc cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc tiếp nhận, xử lý, biên tập, cập nhật thông tin để bảo đảm hoạt động của Cổng/Trang thông tin điện tử huyện, thành phố.

d) Ban Biên tập Cổng/Trang thông tin điện tử Ủy ban nhân dân cấp xã do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thành lập, là bộ phận giúp việc cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc tiếp nhận, xử lý, biên tập, cập nhật thông tin để bảo đảm hoạt động của Cổng/Trang thông tin điện tử xã, phường, thị trấn.

2. Ban Biên tập Cổng/Trang thông tin điện tử gồm có Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các thành viên. Lãnh đạo Ban Biên tập làm việc theo chế độ kiêm nhiệm. Chế độ làm việc của các thành viên do Trưởng ban quyết định.

3. Tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của Ban Biên tập Cổng/Trang thông tin điện tử thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 11. Nhân lực quản trị kỹ thuật

Cơ quan chủ quản có trách nhiệm bố trí đủ nhân lực chuyên môn để quản trị Cổng thông tin điện tử do mình quản lý và các hệ thống cung cấp thông tin khác theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Bồi dưỡng nhân lực

Cơ quan chủ quản có trách nhiệm bồi dưỡng nhân lực về kiến thức chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với lĩnh vực đảm nhiệm để bảo đảm phục vụ hoạt động cung cấp thông tin trên Cổng thông tin điện tử do mình quản lý.

Mục 2

BẢO ĐẢM KINH PHÍ

Điều 13. Kinh phí duy trì và phát triển các hoạt động cung cấp thông tin của cơ quan chủ quản trên môi trường mạng

1. Kinh phí duy trì và phát triển các hoạt động cung cấp thông tin của cơ quan chủ quản trên môi trường mạng được bảo đảm từ các nguồn:

a) Ngân sách nhà nước:

Kinh phí duy trì và phát triển các hoạt động cung cấp thông tin trên Cổng thông tin điện tử tỉnh được bố trí trong dự toán chi ngân sách hằng năm theo các lĩnh vực chi của cơ quan, đơn vị. Trong đó, nhiệm vụ chi cho duy trì và phát triển các hoạt động cung cấp thông tin trên cổng thông tin điện tử tỉnh của các cơ quan, đơn vị do ngân sách bảo đảm theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước.

Kinh phí chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ phục vụ cổng thông tin điện tử tỉnh được bố trí hằng năm trong dự toán ngân sách của cơ quan để bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý.

b) Nguồn thu hợp pháp của các cơ quan, đơn vị được phép để lại sử dụng theo quy định của pháp luật.

c) Nguồn viện trợ, nguồn hỗ trợ phát triển chính thức của các nhà tài trợ.

d) Các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Cơ quan chủ quản hàng năm có trách nhiệm xây dựng kế hoạch bảo đảm kinh phí để duy trì và phát triển các hoạt động cung cấp thông tin trên cổng thông tin điện tử do mình quản lý; báo cáo cơ quan có thẩm quyền để phân bổ kinh phí.

Điều 14. Kinh phí bảo đảm cơ sở hạ tầng và an toàn thông tin

1. Căn cứ vào nhu cầu thực tế, đơn vị được giao quản trị, vận hành được trang bị đầy đủ hệ thống máy chủ, đường truyền, thiết bị bảo mật và các thiết bị cần thiết khác để bảo đảm lưu trữ, khai thác, bảo mật, bảo đảm an toàn thông tin mạng phục vụ hoạt động Cổng thông tin điện tử tỉnh.

2. Định kỳ theo giai đoạn, hàng năm, cơ quan chủ quản được giao xây dựng, tổ chức quản lý, vận hành Cổng thông tin điện tử tỉnh xây dựng kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng, nâng cấp các hệ thống cung cấp thông tin trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phân bổ kinh phí, nhằm bảo đảm hoạt động cung cấp thông tin ổn định, an toàn thông tin mạng.

Điều 15. Kinh phí tạo lập thông tin và chi trả nhuận bút, cung cấp thông tin

1. Chế độ thù lao, nhuận bút cho việc cung cấp thông tin của cơ quan nhà nước trên Cổng thông tin điện tử tỉnh và các kênh cung cấp khác thực hiện theo quy định về chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản.

2. Mức chi cho việc tạo lập, chuyển đổi và số hóa thông tin trên Cổng thông tin điện tử tỉnh và các kênh cung cấp khác của sở, ban, ngành tỉnh; các đơn vị trực

thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính về mức chi tạo lập thông tin điện tử.

3. Căn cứ khả năng kinh phí của cơ quan, Thủ trưởng cơ quan chủ quản quyết định mức chi cụ thể cho việc tạo lập thông tin và chi trả thù lao, nhuận bút phù hợp với quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre và các quy định của pháp luật hiện hành.

Mục 3 **BẢO ĐẢM HẠ TẦNG KỸ THUẬT**

Điều 16. Bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật

1. Cơ quan chủ quản trên địa bàn tỉnh tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, hướng dẫn kỹ thuật của Bộ Thông tin và Truyền thông để cung cấp thông tin trên Cổng thông tin điện tử của mình quản lý.

2. Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm hướng dẫn việc thực hiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật để cung cấp thông tin trên Cổng thông tin điện tử tỉnh.

Điều 17. Bảo trì, bảo dưỡng, nâng cấp hệ thống cung cấp thông tin

1. Các kênh cung cấp thông tin và các hệ thống thông tin liên quan của cơ quan chủ quản phải được thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng để bảo đảm hoạt động tin cậy, liên tục.

2. Hàng năm, các kênh cung cấp thông tin và các hệ thống thông tin liên quan của cơ quan chủ quản phải được rà soát, có phương án nâng cấp, chỉnh sửa đáp ứng nhu cầu thực tế.

Điều 18. Bảo đảm hạ tầng kỹ thuật

1. Cơ quan chủ quản thực hiện đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật hoặc thuê dịch vụ từ nhà cung cấp bên ngoài phải để bảo đảm cho hoạt động cung cấp thông tin hiệu quả và tiết kiệm chi phí.

2. Cơ quan chủ quản có trách nhiệm trang bị đầy đủ trang thiết bị cần thiết phục vụ cho việc thu thập, xử lý và cập nhật thông tin cho các kênh cung cấp thông tin trên môi trường mạng, bảo đảm khai thác hiệu quả hạ tầng công nghệ hiện có, ứng dụng các công nghệ hiện đại, ưu tiên ứng dụng công nghệ điện toán đám mây.

Điều 19. Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng

Cơ quan chủ quản có trách nhiệm cung cấp thông tin trên môi trường mạng bảo đảm các yêu cầu sau đây:

1. Bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ thông tin cá nhân và bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo quy định của pháp luật về an toàn thông tin, an ninh mạng.

2. Có giải pháp hiệu quả chống lại các tấn công gây mất an toàn thông tin mạng của các kênh cung cấp thông tin.

3. Có phương án dự phòng khắc phục sự cố bảo đảm các kênh cung cấp thông tin hoạt động liên tục ở mức tối đa.

Điều 20. Bảo đảm an toàn bảo mật thông tin hệ thống Công thông tin điện tử tỉnh

1. Máy chủ Hệ thống Công thông tin điện tử tỉnh chỉ cài đặt phần mềm phục vụ kết nối, quản lý, vận hành, giám sát an toàn thông tin cho Công thông tin điện tử tỉnh. Phần mềm phải rõ mục đích, chức năng và bảo đảm bản quyền.

2. Không sử dụng máy chủ cho việc duyệt web, đọc báo, xem tin tức, chơi trò chơi (Game) và các công việc khác không liên quan đến công việc quản trị.

3. Cài đặt phần mềm diệt vi rút có bản quyền cho tất cả các máy chủ hệ thống Công thông tin điện tử tỉnh và phải được tự động cập nhật, quét mã độc.

4. Mật khẩu tất cả các tài khoản quản trị hệ thống Công thông tin điện tử tỉnh phải có độ phức tạp cao (có độ dài tối thiểu 8 ký tự, có ký tự hoa, có ký tự thường, ký tự số và ký tự đặc biệt như !, @, #, \$, %) và phải thường xuyên thay đổi mật khẩu đăng nhập theo quy định an toàn thông tin theo cấp độ đã được phê duyệt.

5. Tổ chức, quản lý bảo đảm đủ tài nguyên hệ thống để duy trì hoạt động hệ thống Công thông tin điện tử tỉnh vận hành liên tục, không bị gián đoạn hệ thống.

6. Phân quyền tài khoản hợp lý theo chức năng của người dùng cho các đơn vị quản lý Công TTĐT của UBND tỉnh và các Công thành phần.

7. Các thông tin, dữ liệu điện tử của hệ thống Công thông tin điện tử tỉnh phải có giải pháp sao lưu, phục hồi bảo đảm an toàn an ninh thông tin hệ thống theo cấp độ đã được phê duyệt.

8. Gỡ bỏ hoặc tắt các dịch vụ không dùng đến hoặc ít dùng như: Netmeeting Remote Desktop Sharing, Remote Registry, Routing & Remote Access, Telnet.

9. Hệ thống Công thông tin điện tử tỉnh phải được xây dựng theo yêu cầu về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ 3 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

10. Thường xuyên kiểm tra, phát hiện và khắc phục các lỗ hổng bảo mật bằng các cơ chế bảo mật để bảo đảm an toàn, an ninh thông tin cho Công thông tin điện tử tỉnh; theo dõi các vấn đề lỗ hổng bảo mật từ nhà phát triển ứng dụng, chủ động cập nhật, nâng cấp hệ thống Công thông tin điện tử tỉnh lên các phiên bản mới nhất khi nhận được cảnh báo lỗ hổng bảo mật cho phần mềm hệ điều hành và các phần mềm ứng dụng được cài đặt trên máy chủ hệ thống Công thông tin điện tử tỉnh; thiết lập chính sách lưu giữ tập tin nhật ký (Log file) trong quá trình hoạt động của mỗi máy chủ định kỳ theo quy định an toàn thông tin theo cấp độ.

11. Hệ thống tường lửa bảo đảm khả năng xử lý được số lượng kết nối đồng thời cao và chịu được lưu lượng truy cập cao, cung cấp đầy đủ các cơ chế bảo mật, quản lý luồng dữ liệu ra, vào và có khả năng bảo vệ hệ thống trước các loại tấn công từ chối dịch vụ; đóng tất cả các cổng (Port) dịch vụ khi không sử dụng.

12. Tất cả cấu hình trên hệ thống tường lửa, hệ thống chuyên mạch trung tâm, hệ thống máy chủ phải được lưu lại cẩn thận, bất kỳ ai cũng không tự ý xóa sửa các cấu hình đã có sẵn. Trường hợp cần thiết phải cấu hình thêm để phục vụ

cho an toàn bảo mật thông tin hay phục vụ cho các dịch vụ cần thiết phải có sự đồng ý của lãnh đạo quản lý trực tiếp.

13. Máy tính dùng để quản trị, kiểm soát hoạt động hệ thống phải được cài đặt hệ điều hành bản quyền, diệt vi rút bản quyền; không được cài đặt bất cứ phần mềm nào ngoài phần mềm dùng để phục vụ cho việc quản trị hệ thống, đồng thời không được truy cập Internet, chơi Game và các công tác khác.

14. Khi quản trị hệ thống từ xa phải được sự chấp thuận của Lãnh đạo cơ quan và phải sử dụng một trong các phương thức kết nối có mã hóa an toàn như SSH, VPN, FTPs...

15. Hệ thống Cổng thông tin điện tử tỉnh phải tuân thủ các tiêu chuẩn về ứng dụng Công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước.

16. Thành phần tham gia vận hành hệ thống Cổng thông tin điện tử tỉnh phải có trách nhiệm bảo quản an toàn, bảo mật thông tin tài khoản truy cập quản trị, biên tập hệ thống (gồm: tên đăng nhập và mật khẩu); không để bị đánh cắp và sử dụng trái phép mật khẩu, khoá mật mã và thông tin tài khoản trên Internet gây phương hại đến thông tin của tỉnh; chịu trách nhiệm về sự cố xảy ra nếu liên quan đến thông tin truy cập quản trị hệ thống.

17. Tổ chức, cá nhân có Cổng/Trang thông tin điện tử tham gia vào Cổng thông tin điện tử tỉnh phải tuân thủ theo Điều 7 của Luật An toàn thông tin mạng năm 2015; Điều 8 của Luật An ninh mạng năm 2018; khi phát hiện có sự cố mất an toàn thông tin phải kịp thời báo ngay cho Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh để phối hợp với các cơ quan liên quan xử lý theo đúng quy định.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 21. Trách nhiệm của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Quy chế này; giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý, chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về hoạt động của Cổng TTĐT của UBND tỉnh. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân thực hiện đưa thông tin lên Cổng TTĐT của UBND tỉnh theo đúng quy định.

2. Quản lý tên miền bentre.gov.vn; bảo đảm hoạt động phân giải tên miền cho Cổng thông tin điện tử tỉnh; phối hợp thực hiện nhiệm vụ tại khoản 5 Điều 5 quy chế này.

3. Cấp phát tài nguyên và tích hợp Cổng thành phần cho các đơn vị, tổ chức thuộc tỉnh phù hợp với quy định tại Điều 4 Quy chế này. Kiểm tra, giám sát hoạt động các Cổng thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị tích hợp vào Cổng thông tin điện tử tỉnh.

4. Quản lý, bảo đảm hạ tầng Cổng thông tin điện tử tỉnh hoạt động thông suốt, không gián đoạn; bảo đảm an toàn hệ thống Cổng thông tin điện tử tỉnh quy

định tại Mục 3 Chương III của Quy chế này. Tổ chức thực hiện trong việc xây dựng, duy trì hoạt động và nâng cấp Cổng thông tin điện tử tỉnh theo quy định.

5. Cung cấp đầu mối liên hệ hỗ trợ các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân trong việc cung cấp, quản lý, lưu trữ thông tin trên Cổng thông tin điện tử tỉnh.

6. Thống kê, đánh giá kết quả hoạt động, báo cáo định kỳ về tình hình hoạt động của Cổng thông tin điện tử tỉnh.

Điều 22. Trách nhiệm của các sở, ban ngành tỉnh; các đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã có Cổng thành phần

1. Quản lý, giám sát và cải tiến chất lượng cung cấp thông tin trên Cổng thành phần của các cơ quan, đơn vị trực thuộc.

2. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và hướng dẫn về cung cấp thông tin trên môi trường mạng.

3. Phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý các thông tin về kỹ thuật trong hoạt động Cổng thành phần của các đơn vị.

4. Tổ chức thực hiện các quy định của quy chế này tại đơn vị.

5. Cổng thành phần của các huyện, thành phố do Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý. Tùy tình hình thực tế từng địa phương Ủy ban nhân dân cấp huyện chọn đơn vị trực thuộc quản trị, vận hành và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện về hoạt động của Cổng.

6. Cổng thành phần của các xã, phường, thị trấn do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý. Tùy tình hình thực tế từng địa phương Ủy ban nhân dân cấp xã chọn đơn vị trực thuộc quản trị, vận hành và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã về hoạt động của Cổng.

7. Các sở, ban, ngành tỉnh; các đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý và chịu trách nhiệm về hoạt động của Cổng thành phần của đơn vị mình quản lý.

8. Cung cấp các thông tin theo yêu cầu của Ban Biên tập Cổng TTĐT của UBND tỉnh.

9. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về tình hình hoạt động của Cổng thành phần theo quy định và kiến nghị các giải pháp nhằm phát triển và hoàn thiện Cổng thành phần, Cổng thông tin điện tử tỉnh.

10. Cử cán bộ làm đầu mối về Cổng thành phần của đơn vị; thông báo cho Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh biết để phối hợp trong quá trình quản lý, vận hành, cung cấp thông tin và duy trì hoạt động Cổng thông tin điện tử tỉnh. Khi có thay đổi thông tin về cán bộ đầu mối, các đơn vị có trách nhiệm thông báo và cung cấp lại thông tin cho Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh biết để kịp thời phối hợp.

11. Khi phát hiện có sự cố về mặt kỹ thuật hoặc nguy cơ mất an toàn thông tin, Ban Biên tập Cổng thành phần phải báo ngay cho Thủ trưởng cơ quan, đơn vị

biết để chỉ đạo, đồng thời báo cáo kịp thời về Ban Biên tập Công TTĐT của UBND tỉnh để phối hợp xử lý.

Điều 23. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông

1. Hướng dẫn cơ quan chủ quản cung cấp các dữ liệu đặc tả cho Công thông tin điện tử tỉnh để hỗ trợ tìm kiếm, trao đổi và chia sẻ thông tin, bảo đảm khả năng liên kết, tích hợp với Công thông tin điện tử của cơ quan, tổ chức có liên quan, đồng thời bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định của pháp luật.

2. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra, giám sát và đánh giá việc cung cấp thông tin của cơ quan chủ quản trên môi trường mạng để bảo đảm khả năng thuận tiện và bảo đảm chất lượng của việc cung cấp thông tin.

3. Hướng dẫn các cơ quan chủ quản kết nối với hệ thống giám sát, đo lường mức độ cung cấp và sử dụng dịch vụ Chính phủ số để giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý, giám sát hiệu quả, mức độ cung cấp, sử dụng thông tin của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng, tổng hợp, báo cáo theo quy định.

Điều 24. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Cân đối ngân sách của tỉnh để bảo đảm kinh phí hoạt động, duy trì và phát triển Công TTĐT của UBND tỉnh và Công thành phần kịp thời và đúng quy định pháp luật.

2. Hướng dẫn các đơn vị lập dự toán chi tiết nguồn kinh phí phục vụ cho việc duy trì và cung cấp thông tin của Công thông tin điện tử tỉnh.

Điều 25. Quy định chuyển tiếp

Đối với các Công thành phần chưa tuân thủ khoản 1 Điều 5 của Quy chế này, cơ quan chủ quản có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 5 và hoàn thành trước ngày 15 tháng 8 năm 2024.

Điều 26. Trong quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc hoặc kiến nghị bổ sung, các đơn vị kịp thời báo cáo về Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định./.